

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 15
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	16
Báo cáo kiểm toán độc lập	17 - 18
Báo cáo thu nhập	19
Báo cáo tình hình tài chính	20 - 21
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ	22
Báo cáo danh mục đầu tư	23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	26 - 52

THÔNG TIN CHUNG**QUỸ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ngày 6 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 6 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 3.492.023.500 đồng, tương đương với 349.202,35 Chứng chỉ quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm/thôi giữ chức vụ/miễn nhiệm</i>
Ông Đào Kiên Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Thị Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 76/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2019
Bà Hoàng Thị Dung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2019

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thông tin chung (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Không Phan Đức – Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Thị Lan, Phó Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền ký báo cáo tài chính của Quỹ theo Giấy Ủy quyền số 07/GUQ-QLQ-TCHC ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ông Không Phan Đức, Chủ tịch Công ty.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là “Ban Tổng Giám đốc”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ
Phó Tổng Giám đốc

A red circular stamp is placed over the signature. The text inside the stamp, from top to bottom, reads: "TRÁCH NHIỆM", "MỘT THÀNH VIÊN", "QUẢN LÝ QUỸ", "NGÂN HÀNG TM", "CÔNG THƯƠNG", "VIỆT NAM", and "HOÀN KIẾM".

Bà Nguyễn Thị Lan

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến hết năm báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 1,66% so với giá trị đầu năm báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và sự ổn định bằng cách đầu tư ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Quỹ đầu tư chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết hoặc trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm:

- ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- ▶ Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc đầu tư vào các tài sản là “Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành” phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ▶ Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- ▶ Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở, có nghĩa vụ mua lại Chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng theo yêu cầu của nhà đầu tư.

1.5 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.6 Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 27/GCN-UBCK vào ngày 6 tháng 9 năm 2017.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở được Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 3.492.023.500 đồng, tương đương với 349.202,35 Chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.195.318.656 đồng.

1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- ▶ Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư và mức lợi nhuận do Ban Đại diện Quỹ quyết định và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;
- ▶ Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà đầu tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch đơn vị Quỹ hoặc có văn bản gửi Công ty Quản lý Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng;
- ▶ Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, bản cáo bạch;
- ▶ Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ**

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu niêm yết	0,00%	0,00%
Trái phiếu niêm yết	24,78%	11,07%
Trái phiếu chưa niêm yết	9,29%	0,00%
Chứng chỉ tiền gửi	37,17%	71,79%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	26,86%	16,05%
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	0,00%	0,00%
Các tài sản khác	1,89%	1,09%
	100%	100%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Số cuối năm</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	4.195.318.656
Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	349.202,35
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	12.014,00
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	12.075,32
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	11.814,63
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	
▶ Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng
▶ Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-
	Năm 2021
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	4,58%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	87,90%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</i>
Từ khi thành lập đến thời điểm lập báo cáo	20,16%

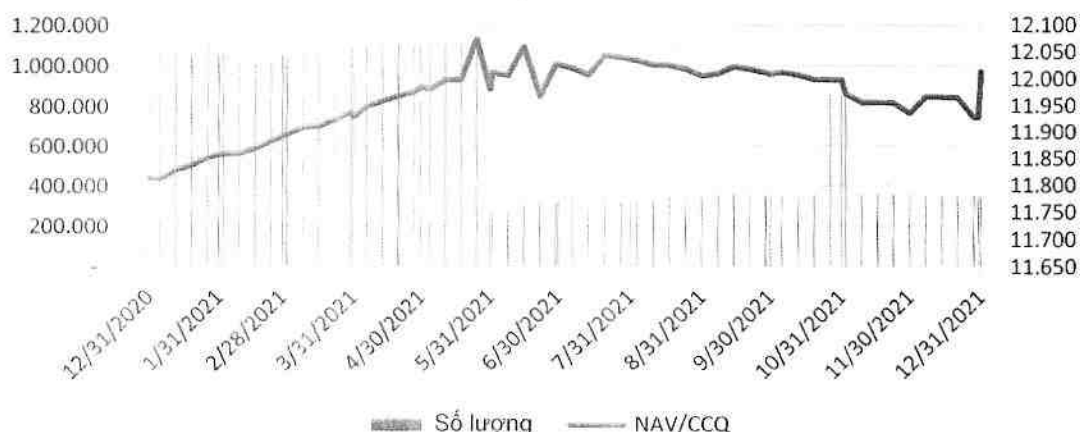
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**2.4 Tăng trưởng hàng năm****Thời kỳ****Năm 2021**

Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ

1,66%

2.5 Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ**Biểu 01: Số lượng CCQ và NAV/CCQ**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Cổ tức, trái tức được nhận	161.040.449
2	Lãi được nhận	398.542.699
3	Lãi thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	71.089.371
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(15.442.722)
TỔNG		615.229.797

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong năm báo cáo: quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2021.

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,50%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	1,75%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,50%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	1,75%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động	4,58%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm	87,90%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2.6 Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	264.175.633	1.964.333.036
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(15.442.722)	(10.520.901)
Lợi nhuận chưa phân phối	248.732.911	1.953.812.135

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

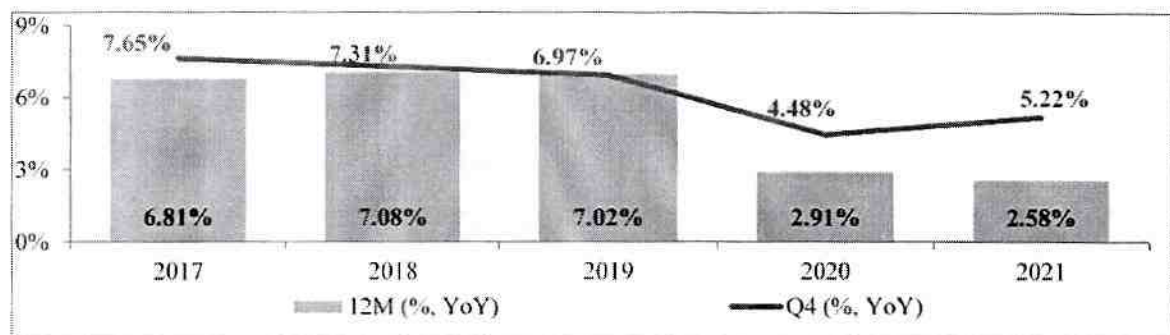
Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2021

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, tác động nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống kinh tế-xã hội, bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn ghi nhận một số điểm sáng sau:

- Dịch bệnh cơ bản vẫn được kiểm soát nhờ đẩy nhanh tiến trình tiêm vaccine. Bên cạnh đó, trên cơ sở các nghị quyết của Quốc Hội, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, gói hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn như: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về giãn hoãn thuế, tiền thuê đất; Nghị quyết 68/NQ-CP về an sinh xã hội; Nghị quyết 116/NQ-CP về hỗ trợ người lao động; Nghị quyết số 83/NQ-CP về giảm giá điện; Thông tư 03-NHNN, sau đó sửa đổi bằng Thông tư 14-NHNN về cơ cấu lại nợ và giảm lãi, phí. Chính phủ cũng đang chuẩn bị ban hành Chiến lược phòng, chống dịch và Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023 sau khi Quốc Hội thông qua Chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ phục hồi để có thể triển khai ngay từ đầu năm 2022.

- Tăng trưởng GDP phục hồi trong quý 4, ước tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự phục hồi bước đầu của nền kinh tế so với quý 3 (-6,02%) và so với quý 4/2020 (+4,48%) nhờ Chính phủ đã tích cực triển khai tiêm chủng và thay đổi Chiến lược phòng, chống dịch với Nghị quyết 128. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2021, GDP chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, song là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp. Động lực phục hồi kinh tế chính năm 2021 là lĩnh vực nông - lâm - thủy sản tăng 2,9% (gần bằng mức trước dịch Covid-19), đóng góp 14% vào mức tăng trưởng chung. Tiếp đó, ngành công nghiệp chế biến - chế tạo tăng 6,4% (đóng góp 62,4% vào mức tăng trưởng chung); một số ngành dịch vụ như y tế và trợ giúp xã hội (+42,75%, đóng góp 21,3%), tài chính - ngân hàng - bảo hiểm (+9,4%, đóng góp 20,2%), công nghệ thông tin, viễn thông và truyền thông (+6%, đóng góp 14%)...v.v. Tuy nhiên, cũng có một số ngành giảm mạnh, kéo lùi đà tăng trưởng như du lịch, vận tải - kho bãi, lưu trú - ăn uống, công nghiệp khai khoáng...

Tăng trưởng GDP quý 4 và cả năm giai đoạn 2017-2021 (% , yoy)



Nguồn: TCTK, Viện ĐT & NC BIDV tổng hợp.

- Lạm phát được kiểm soát tốt, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm; Kết quả tích cực này đã khẳng định những nỗ lực của Việt Nam trong kiểm soát lạm phát, đảm bảo cân đối cung - cầu hàng hóa, bình ổn giá cả, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng lên 3,2% (từ mức

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2% năm 2020), giá nguyên, nhiên vật liệu toàn cầu tăng mạnh trong năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân tăng 0,81% (mức thấp nhất 10 năm qua), thấp hơn mức CPI bình quân chung cho thấy lạm phát chủ yếu do yếu tố giá cả; và giá cả tăng chủ yếu là do chi phí đẩy (giá hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào tăng) chứ không hẳn là cầu kéo (do sức cầu còn yếu). Tuy nhiên, áp lực lạm phát tại Việt Nam đang gia tăng.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hồi phục trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới có nhiều biến động. Đến hết ngày 20/12/2021, vốn FDI đăng ký ước đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 15,25 tỷ USD, tăng 4,1%; vốn đăng ký tăng thêm đạt 9,01 tỷ USD, tăng 40,5%, trong khi vốn góp, mua cổ phần đạt 6,89 tỷ USD, giảm 7,7% so với năm trước. Điều này cho thấy mặc dù dịch bệnh bùng phát mạnh trên diện rộng, song Việt Nam vẫn duy trì được dòng vốn FDI nhờ dần kiểm soát được dịch bệnh và cam kết tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh. Trái lại, giải ngân vốn FDI cả năm 2021 đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm trước; chủ yếu là do dịch bệnh bùng phát mạnh, các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt tại hầu hết các tỉnh thành, khiến các dự án đầu tư bị ảnh hưởng.

- Xuất - nhập khẩu tăng mạnh, cán cân thương mại thặng dư. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng khá tốt, đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 336,3 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu đạt 332,2 tỷ USD, tăng 26,5%. Cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD; cho thấy nỗ lực của các doanh nghiệp đẩy mạnh khôi phục sản xuất, xuất nhập khẩu. Đây cũng là năm thứ 6 Việt Nam xuất siêu liên tục, và xuất nhập khẩu tăng cao, cho thấy vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là đóng góp không nhỏ vào tốc độ tăng xuất nhập khẩu ở đây là do yếu tố giá hàng xuất tăng.

- Tỷ giá ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp. Nhờ vậy, mặt bằng lãi suất giảm nhẹ, lãi suất cho vay giảm khoảng 0,8% so với đầu năm (năm 2020 giảm 1%), hỗ trợ doanh nghiệp, kích cầu tín dụng. Dự nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng ước tăng khoảng 13,5%, cao hơn so với mức 13% năm trước. Huy động vốn có tốc độ tăng chậm hơn, tăng khoảng 9%, thấp hơn mức tăng 13-14% các năm trước, một phần là do mặt bằng lãi suất thấp, phần khác là do dịch chuyển kênh đầu tư các tài sản sinh lời cao hơn như bất động sản, chứng khoán (cũng là xu hướng chung trên thế giới trong 2 năm qua). Tỷ giá tương đối ổn định, thậm chí năm 2021, đồng VND tăng khoảng 1,2% so với USD, dù chỉ số đồng USD (DXY) tăng 6,7% năm 2021, chủ yếu là do: (i) niềm tin vào khả năng phục hồi kinh tế của Việt Nam, (ii) cung - cầu ngoại tệ nhìn chung khá cân bằng, khi cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD, kiều hối đạt 18,2 tỷ USD (theo WB) và giải ngân FDI đạt 19,7 tỷ USD. Đáng chú ý, Ngân hàng Nhà nước cũng đã chủ động (cùng với Bộ Tài chính, Bộ Công thương...) trao đổi với Bộ Tài chính Mỹ, nhờ đó Việt Nam được tháo gỡ "thao túng tiền tệ" từ tháng 4/2021 đến nay.

- Chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt nhiều bước tiến quan trọng. Đại dịch Covid-19, bên cạnh tác động tiêu cực cũng là tạo "cú huých" thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số Việt Nam. Theo Báo cáo E-economy (2021), Việt Nam đứng thứ 3 ASEAN và xếp hạng 14/50 khu vực Châu Á về quy mô kinh tế internet. Cụ thể, kinh tế internet Việt Nam ước đạt 21 tỷ USD năm 2021 (khoảng 5,8% GDP năm 2021), tăng 31% so với năm 2020. Trong đó, quy mô thương mại điện tử năm 2021 ước đạt 13 tỷ USD, tăng 53% so với năm 2020, trở thành kênh phân phối hàng hóa, dịch vụ quan trọng trong bối cảnh dịch bệnh. Thanh toán điện tử tăng nhanh với giá trị thanh toán qua kênh Internet, điện thoại di động và QR Code tăng tương ứng 29%, 88,3%, 129%, thuộc nhóm cao nhất thế giới; 16,4 triệu ví điện tử đang hoạt động, tăng 20,2% so với năm 2020. Việt Nam đứng thứ ba ASEAN về thu hút vốn đầu tư Fintech, chiếm 11% tổng số vốn của khu vực.

- Hoạt động hội nhập quốc tế và đối ngoại đạt kết quả tích cực, chiến lược ngoại giao vaccine được triển khai mạnh mẽ, cho phép đẩy nhanh quá trình tiêm chủng và mở cửa nền

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

kinh tế. Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguồn cung vaccine còn khan hiếm, chính sách ngoại giao vaccine đã được đẩy mạnh, giúp Việt Nam có nguồn vaccine để đẩy nhanh chương trình tiêm chủng. Điều này đã giúp Việt Nam tự tin thực hiện Nghị quyết 128 của Chính phủ, thay đổi căn bản Chiến lược phòng chống dịch, góp phần phục hồi kinh tế - xã hội từ quý 4/2021. Việt Nam cũng đã và đang tận dụng tốt hơn từ các Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) thế hệ mới.

Thị trường tiền tệ

- Giảm lãi suất cho vay và giãn, hoãn nợ là những điểm nhấn đáng chú ý nhất trong hoạt động tiền tệ - ngân hàng trong năm 2021. Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp 3 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Các ngân hàng thương mại cũng đã tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, dành nguồn lực để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng. Đến nay, mặt bằng lãi suất vay giảm khoảng 1,66%/năm so với trước dịch.

- Trong năm 2021, 16 ngân hàng thành viên Hiệp hội Ngân hàng đã cam kết giảm lãi suất cho vay trong giai đoạn từ 15/7/2021 đến hết năm 2021 với tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng ước tính 20.613 tỷ đồng. Riêng các ngân hàng thương mại nhà nước (Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) tiếp tục cam kết dành riêng gói hỗ trợ 4.000 tỷ đồng để giảm lãi suất, giảm 100% các loại phí dịch vụ ngân hàng trong thời gian giãn cách cho khách hàng tại các địa phương đang thực hiện cách ly toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đây là động thái của các ngân hàng nhằm thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

- Tỷ giá của đồng Việt nam với ngoại tệ ổn định. Trong khi xu hướng rút vốn khỏi các nước mới nổi và đang phát triển khiến đồng tiền của nhiều nước trong khu vực mất giá khá lớn so với USD (USD tăng 4,65%, Baht Thái giảm 11,2%, Ringgit Malaysia giảm 2,68%, Đô-la Singapore giảm 1,95%) thì tỷ giá VND/USD tiếp tục ổn định, đến cuối tháng 10, tỷ giá trung tâm tương đương cuối năm trước. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

- Ngoài lãi suất, các ngân hàng cũng đang thay đổi quy trình thủ tục cho vay theo hướng thuận tiện, nhanh chóng hơn. Ngoài câu chuyện lãi suất, điểm nhấn tiếp theo của thị trường tín dụng - tiền tệ trong năm 2021 là các quy định mới, cũng như thực tiễn thực thi việc giãn, hoãn nợ của các ngân hàng cho khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Thị trường dịch vụ thanh toán đang rất rộng mở trước thềm năm 2022 khi Chính phủ đã chính thức ban hành Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, đề án đặt ra mục tiêu giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đến năm 2025 sẽ gấp 25 lần GDP, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%...

Tuy nhiên, bên cạnh những kỳ vọng lớn phía trước, nhiều nỗi lo lắng cũng đặt ra. Trong đó, những yếu tố quan ngại đã được lường trước khi bước sang năm 2022 là nỗi lo lạm phát và nợ xấu tiềm ẩn.

- Tình hình lạm phát đang diễn ra tại nhiều khu vực có sức ảnh hưởng lớn về kinh tế trên thế giới như Mỹ, châu Âu... tuy chưa ảnh hưởng tới Việt Nam trong năm 2021, nhưng nhiều chuyên gia kinh tế đã cảnh báo sự ảnh hưởng có khoảng trễ và “điểm rơi” có thể diễn ra và đầu hoặc giữa năm 2022.

- Nợ xấu của các tổ chức tín dụng có nguy cơ gia tăng, trong khi thời gian qua các ngân hàng giảm lãi suất bằng chính các nguồn lực tài chính của mình. Do đó, việc gia tăng nợ xấu nếu xảy ra thì chính bản thân các tổ chức tín dụng sẽ phải dùng nguồn lực tài chính của mình để xử lý nợ xấu, mà tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng nếu suy giảm sẽ ảnh hưởng đến hệ thống.

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu năm 2021 tiếp tục tăng trưởng tốt, đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho Chính phủ để đầu tư phát triển và các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, kinh doanh. Theo đó, một số kết quả nổi bật như sau:

- Đối với thị trường trái phiếu chính phủ, trong năm 2021, Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện đúng Nghị quyết số 128/2020/QH14 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 để huy động vốn cho NSNN. Theo đó, khối lượng huy động TPCP trên thị trường trong năm 2021 là 318.213 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành bình quân đạt 13,92 năm (giảm 0,02 năm so với cuối năm 2020), lãi suất phát hành bình quân đạt 2,30% (giảm 0,56% so với cuối năm 2020).
- Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tính đến hết năm 2021, dư nợ thị trường TPDN riêng lẻ đạt khoảng 16% GDP năm 2021. Năm 2021 tiếp tục là một năm thăng hoa của thị trường TPDN, qua đó từng bước trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng đối với nền kinh tế. Tổng giá trị TPDN phát hành đạt 623.616 tỷ đồng, tăng 34,9% sv năm 2020; trong đó là 583.371 tỷ đồng phát hành riêng lẻ (+36,0% svck) và 40.246 tỷ đồng phát hành ra công chúng (+19,3% svck). Trong đó Tài chính – Ngân hàng là nhóm ngành dẫn đầu về GTPH năm 2021, chiếm 42,0% tổng GTPH, tăng 83,8% svck. Nhóm ngành Bất động sản chiếm 34,8% tổng GTPH, tăng 36,2% sv năm 2020. Nhóm Tập đoàn đa ngành và các nhóm ngành khác chiếm lần lượt 4,9% và 18,4% tổng GTPH trong năm 2021, giảm 22,0% và 6,1% svck. Đáng chú ý, hai doanh nghiệp có GTPH của 2 ngành Ngân hàng và Bất động sản lần lượt là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (27.000 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Địa ốc No Va (14.123 tỷ đồng). Lãi suất TPDN có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021, phù hợp với diễn biến của lãi suất.
- Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trong năm 2021, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành được 11.024 tỷ đồng TPCPBL, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 11,64 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,5%. Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được 10.500 tỷ đồng TPCPBL, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 8,94 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,09%.

Thị trường chứng khoán

Dù chịu tác động từ đại dịch Covid-19 nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 đã chứng kiến sự tăng trưởng ngoạn mục, thể hiện rõ vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho Chính phủ, doanh nghiệp cũng như là kênh đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

- Chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Đây cũng là đỉnh cao trong lịch sử TTCK đến thời điểm này. Trước đó, ngay trong ngày đầu tiên của quý 2/2021, VN-Index đã chính thức vượt mốc 1.200 điểm - mốc kỷ lục được thiết lập từ 2018. Tính đến ngày 28/12/2021, VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020, nằm trong top thị trường đem đến tỷ suất sinh lời cao nhất trên thế giới.
- Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 28/12, mức vốn hóa thị trường đạt 7.729.000 tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP.
- Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (DKGD) của thị trường tính đến cuối tháng 11 đạt 1.727.000 tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020 với 761 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch chứng khoán và 890 cổ phiếu DKGD trên UPCoM.
- Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Thanh khoản thị trường cổ phiếu đã gia tăng nhanh chóng và liên tục qua các tháng và đến tháng 11 đạt mức 40.117 tỷ đồng/phiên.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

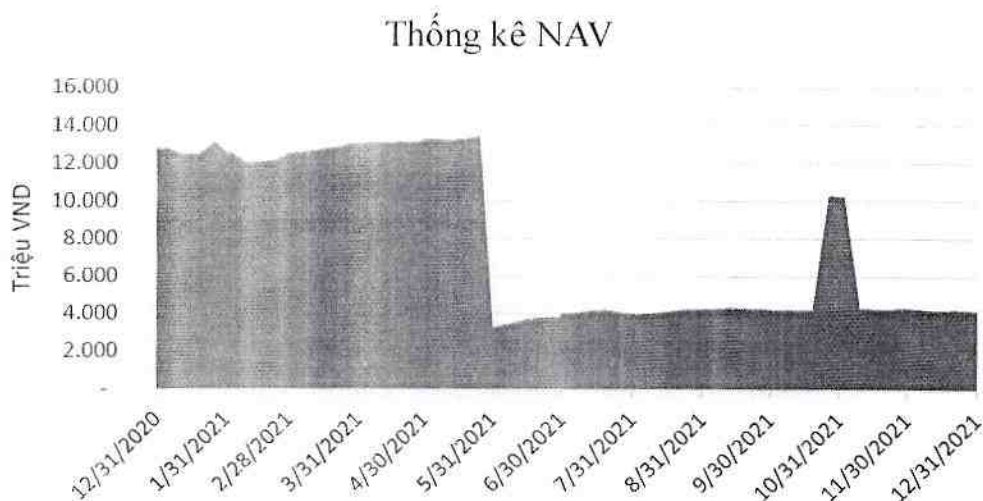
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Tính chung từ đầu năm 2021, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 25.960 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản tăng 250% so với năm 2020, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 trong Đông Nam Á.
- Năm 2021, số lượng nhà đầu tư (NĐT) tham gia TTCK tăng mạnh đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Chỉ riêng trong 11 tháng của năm 2021, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên con số 4,08 triệu tài khoản, tăng 47,3% so với cuối năm 2020

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	Năm 2021 (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	1,66%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2021:

**Thay đổi giá trị tài sản ròng**

	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	4.195.318.656	12.776.790.553	(67,16)%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.014,00	11.817,83	1,66%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	33	17.600,20	5,04%
Từ 5.000 đến 10.000	-	-	-
Từ 10.000 đến 50.000	-	-	-
Từ 50.000 đến 500.000	1	331.602,15	94,96%
Trên 500.000	-	-	-
Tổng cộng	34	349.202,35	100%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TITM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4. THÔNG TIN KHÁC

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("VietinBank Capital")

Ông Không Phan Đức
Chủ tịch
Ông Không Phan Đức hiện giữ Chức vụ Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ. Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính, ông Không Phan Đức đã từng làm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, Giám đốc Khối Môi giới Công ty Chứng khoán Habubank, Trợ lý HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT. Trước khi được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, Ông giữ chức vụ Tổng giám đốc VietinBank Securities.

Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Lệ Hằng hiện là Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ. Trước khi về làm Tổng Giám đốc Công ty, Bà Nguyễn Lệ Hằng đã có 14 năm làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và trải qua nhiều vị trí quan trọng tại TSC, các công ty con như Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc của Công ty Quản lý quỹ VietinBank. Sau đó bà được bổ nhiệm về làm Phó phòng rồi lên Trưởng Phòng Kế toán tài chính của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay bà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc tại Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Bà Lệ Hằng đã tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Tín dụng của Học viện Ngân hàng Hà Nội và tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Bà đã có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc – CFA Charter Holder
Trước khi gia nhập VietinBank Capital, bà Lan đã có 14 năm kinh nghiệm công tác, trải qua nhiều vị trí cán bộ quản lý tại các tổ chức ngân hàng, tài chính như cán bộ Ngân hàng Chinfon-Hà Nội; cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Phó phòng Phân tích đầu tư Công ty chứng khoán VNS; Phó phòng Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Chiến Thắng; Trưởng nhóm Chính sách Đầu tư – Phòng Chế độ Chính sách tín dụng, đầu tư Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Bà tốt nghiệp ngành Tài chính doanh nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Đại học New South Wales (Úc) theo chương trình học bổng của Chính phủ Úc. Bà cũng là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA). Bà đã có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Bà Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Ngọc Tài tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh Đại học Griggs (Hoa Kỳ), Cử nhân Đại học KTQD chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Bà Tài có nhiều năm làm việc tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và là một trong những thành viên đầu tiên tham gia thành lập và phát triển VietinBank Capital. Bà đã được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ. Tại Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank, bà Trần Thị Ngọc Tài đã trải qua nhiều vị trí như nhân viên Ban trù bị thành lập Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên Đầu tư, nhân viên Kiểm soát nội bộ, Kiểm soát viên, Phó Phòng Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính. Tháng 6/2019, bà Trần Thị Ngọc Tài được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Ban Điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Thị Lan

Phó Tổng Giám đốc – CFA Charter Holder

Trước khi gia nhập VietinBank Capital, bà Lan đã có 14 năm kinh nghiệm công tác, trải qua nhiều vị trí cán bộ quản lý tại các tổ chức ngân hàng, tài chính như cán bộ Ngân hàng Chinfon-Hà Nội; cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Phó phòng Phân tích đầu tư Công ty chứng khoán VNS; Phó phòng Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Chiến Thắng; Trưởng nhóm Chính sách Đầu tư – Phòng Chế độ Chính sách tín dụng, đầu tư Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Bà tốt nghiệp ngành Tài chính doanh nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Đại học New South Wales (Úc) theo chương trình học bổng của Chính phủ Úc. Bà cũng là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA). Bà đã có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Bà Ngô Thị Lan Hương

Trưởng phòng Quản lý tài sản

Bà Ngô Thị Lan Hương tốt nghiệp Cử nhân tại trường Đại học Ngoại thương Hà Nội. Bà đã đạt được Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp năm 2013, thi đỗ CFA Level 2 và hoàn thành chứng chỉ CMAC về Thâu tóm và chống thâu tóm trong lĩnh vực M&A.

Bà Ngô Thị Lan Hương đã có kinh nghiệm hơn 14 năm trong các lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán, Quản lý Quỹ tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Bà Lan Hương đã từng tham gia làm việc tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở chính, Ngân hàng Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Chi nhánh Hà Nội, Standard Chartered Bank, Việt Nam, Công ty Cổ phần quản lý Quỹ FPT, Công ty CP Chứng khoán Vina, Công ty CP Quản lý Quỹ Trí tuệ Việt Nam, từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo như Trưởng phòng đầu tư, Giám đốc Quan hệ khách hàng, v.v.

Ông Đào Việt Anh

Phó phòng Quản lý đầu tư

Ông Đào Việt Anh hiện là Phó phòng Quản lý đầu tư của Công ty quản lý quỹ Vietinbank. Trước đó, ông đã có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, chứng khoán tại các vị trí Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Phân Phối FPT, Trưởng nhóm phát triển kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, Phó Phòng Phân tích và Quản lý Danh mục đầu tư, Phó Phòng Quản lý Tài sản, Phó Phòng Quản lý Đầu tư Công ty quản lý quỹ Vietinbank.

Ông Việt Anh tốt nghiệp với bằng Cử nhân và Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Học viện Ngân hàng. Ngoài ra, ông đã có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ

**Ông Đào Kiên
Trung**

*Chủ tịch Ban Đại
diện*

Ông Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội chuyên ngành Pháp luật quốc tế và Đại học ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.

Từ 1999 đến nay, ông Trung đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại nhiều đơn vị khác nhau như Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương, Công ty Cổ phần FPT, Công ty Quản lý Quỹ FPT, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

**Bà Nguyễn Thị
Huyền Trang**

*Thành viên Ban Đại
diện*

Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Từ năm 2006 – năm 2007, bà Trang là Chuyên viên phát triển mạng lưới của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Từ năm 2007 – năm 2009, bà Trang đảm nhận vị trí Chuyên viên Ban Quản lý vốn và tài sản tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí.

Từ năm 2009 đến tháng 2 năm 2019, bà Trang giữ chức Phó Ban Đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí.

Từ tháng 2 năm 2019, bà Trang giữ chức Phó phòng Đầu tư tại Công ty Tài chính Điện lực.

**Ông Nguyễn Viết
Hoàng**

*Thành viên Ban Đại
diện*

Cử nhân kinh tế (Học viện Tài chính): Chuyên ngành kế toán; Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng; Kiểm toán viên quốc gia (CPA Việt Nam).

Từ năm 2006 đến nay ông Hoàng trải qua nhiều vị trí khác nhau như Phó phòng Tài chính kế toán; Kiểm toán viên; Kế toán trưởng và Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ



Bà Nguyễn Thị Lan

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm tỷ lệ đầu tư vào tài sản của Quỹ có phát sinh sai lệch như sau:

- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (CTCP Tài nguyên Masan) chưa đảm bảo hạn chế 20% tổng giá trị tài sản theo quy định tại Điểm c Khoản 4, Điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC các kỳ: từ 01/06/2021 đến 30/06/2021.
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc-CTCP chưa đảm bảo hạn chế 20% tổng giá trị tài sản theo quy định tại Điểm c Khoản 4, Điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC các kỳ: từ 07/12/2021 đến 31/12/2021.
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (CTCP Chứng khoán dầu khí) chưa đảm bảo hạn chế 20% tổng giá trị tài sản theo quy định tại Điểm c Khoản 4, Điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC các kỳ: từ 01/06/2021 đến 24/08/2021.
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán chưa niêm yết “Trái phiếu CTCP Chứng khoán Dầu khí (TP.PSIL2021002)” chưa đảm bảo hạn chế 10% tổng giá trị tài sản theo quy định Điểm đ, Khoản 4, Điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC tại kỳ báo cáo: 01/06/2021 đến 24/08/2021.
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chưa đảm bảo từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC từ kỳ 25/05/2021 đến 08/06/2021, kỳ 31/08/2021 đến 07/09/2021, kỳ 26/10/2021.
- Tỷ lệ đầu tư của quỹ vào Hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam phát hành vượt quá mức quy định là 30% tổng giá trị tài sản quy định tại điểm d, khoản 4, điều 35, TT98/2020/TT-BTC tại các kỳ 07/09 - 14/09/2021, 28/9 - 12/10/2021.

b) Từ ngày 09/06/2020 giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống thấp hơn mức 50% vốn góp ban đầu (66.000.000.000 VND) và mức 30.000.000.000. Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12/2021 là 4.195.318.656 VND.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong năm, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận. *l*

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Phan Thị Quỳnh Lan

Số: /2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022, từ trang 19 đến trang 52, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo kiểm toán độc lập (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

BÁO CÁO THU NHẬP
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		615.229.797	2.785.468.036
3	1.2. Tiền lãi được nhận	5	559.583.148	2.893.869.658
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	6	71.089.371	(97.880.721)
5	1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	(15.442.722)	(10.520.901)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8	5.484.207	35.016.765
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		5.484.207	26.101.033
15	2.5. Chi phí đầu tư khác		-	8.915.732
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	9	361.012.679	796.639.136
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		39.653.457	242.304.401
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		4.783.233	89.467.852
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		1.744.751	45.893.472
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		2.617.127	97.073.539
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	133.100.000
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		-	-
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		40.000.000	33.000.000
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác		140.214.111	155.799.872
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		248.732.911	1.953.812.135
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		248.732.911	1.953.812.135
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		264.175.633	1.964.333.036
32	6.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(15.442.722)	(10.520.901)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		248.732.911	1.953.812.135

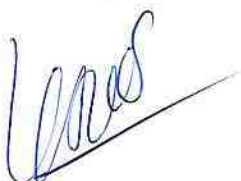
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập



Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B02-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	I. Tài sản			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	1.156.137.640	2.057.430.242
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		149.944.523	257.430.242
112	1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		1.006.193.117	1.800.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	3.066.625.006	10.619.007.740
121	2.1. Các khoản đầu tư		3.066.625.006	10.619.007.740
130	3. Các khoản phải thu	12	81.555.161	138.679.355
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		81.554.161	138.678.355
	3.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		81.554.161	138.678.355
137	3.3. Các khoản phải thu khác		1.000	1.000
100	TỔNG TÀI SẢN		4.304.317.807	12.815.117.337
	II. Nợ phải trả			
313	3. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		59.862.298	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	284.308
316	6. Chi phí phải trả	13	25.000.000	16.500.000
318	7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		-	3.000.000
319	9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	14	24.136.853	18.542.476
320	10. Phải trả, phải nộp khác		-	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		108.999.151	38.326.784
400	III. Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở		4.195.318.656	12.776.790.553
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	15	3.492.023.500	10.811.451.400
412	1.1 Vốn góp phát hành		264.464.669.300	256.284.215.200
413	1.2 Vốn góp mua lại		(260.972.645.800)	(245.472.763.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(19.979.632.530)	(18.468.855.622)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	20.682.927.686	20.434.194.775
430	IV. Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	17	12.014,00	11.817,83
440	V. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư		-	-

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

B02-QM

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	349.202,35	1.081.145,14

Người lập

Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B03-QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
Năm 2021**

Đơn vị tính: VND

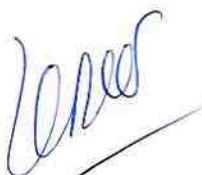
STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	12.776.790.553	102.459.102.752
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	248.732.911	1.953.812.135
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	248.732.911	1.953.812.135
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	(8.830.204.808)	(91.636.124.334)
1	Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu	-	-
2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	9.799.018.310	14.265.302.002
3	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(18.629.223.118)	(105.901.426.336)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ mở cuối năm	4.195.318.656	12.776.790.553

Người lập



Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày cuối năm (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu niêm yết KBC121020	10.339	103.165,20	1.066.625.006	24,78%
2	Trái phiếu chưa niêm yết PSIH2122003(*)	4	100.000.000	400.000.000	9,29%
	Tổng cộng	10.343		1.466.625.006	34,07
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC				
1	Chứng chỉ tiền gửi		-	-	-
	Tổng cộng		-	-	-
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu		-	15.148.739	0,35%
2	Phải thu lãi tiền gửi		-	66.405.422	1,54%
3	Phải thu khác		-	1.000	-
	Tổng cộng		-	81.555.161	1,89%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn		-	149.944.523	3,48%
2	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-	-	-
3	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	1.006.193.117	23,38%
4	Giấy tờ có giá		-	1.600.000.000	37,17%
	Tổng cộng		-	2.756.137.640	64,03%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			4.304.317.807	100,00%

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập



Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế thu nhập doanh nghiệp		248.732.911	1.953.812.135
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		15.442.722	10.520.901
03	(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		15.442.722	10.520.901
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		264.175.633	1.964.333.036
	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		7.536.940.012	78.647.520.451
06	Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	-
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		57.124.194	4.907.422.411
08	(Giảm)/tăng các khoản phải thu khác		-	(1.000)
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		59.862.298	-
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(284.308)	(10.267.402)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(3.000.000)	(16.761.158)
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		8.500.000	(71.500.000)
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		5.594.377	(104.112.208)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		7.928.912.206	85.316.634.130
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		9.799.018.310	14.265.302.002
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(18.629.223.118)	(105.901.426.336)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(8.830.204.808)	(91.636.124.334)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B05-QM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
40	III. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(901.292.602)	(6.319.490.204)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.057.430.242	8.376.920.446
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	10	1.156.137.640	2.057.430.242
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.156.137.640	2.054.430.242
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		149.944.523	2.054.430.242
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.006.193.117	3.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(901.292.602)	(6.319.490.204)

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập

Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2021****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ****1.1 Thông tin về Quỹ****Quỹ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ngày 6 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 6 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 76/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong năm 2021 và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 3.492.023.500 đồng, tương đương với 349.202,35 Chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Định giá và giao dịch Chứng chỉ quỹ

Ngày định giá là ngày Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của kỳ báo cáo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ một tuần một lần vào ngày thứ Tư hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang thứ Tư sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi các ngân hàng thương mại, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm tiền gửi các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- ▶ Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ VTBF;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - + Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ

- ▶ Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- ▶ Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
- ▶ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Công Thương Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký chung.

3.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và không niêm yết, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi có thời hạn gốc trên ba (03) tháng.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng), giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác được định giá như sau:

Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo:

- Hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu;
- Hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

- ▶ Đối với trái phiếu niêm yết được định giá như sau:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, hoặc lãi suất chiết khấu (đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) hoặc giá thị trường của trái phiếu biến động ngoài Giới hạn chênh lệch (*), thì giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ Đối với trái phiếu không niêm yết được định giá như sau:

- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ Đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được định giá như sau:

Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(*) Giới hạn chênh lệch:

- *Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương*: giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 0,5% trở lên so với lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu Chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất.
- *Trái phiếu doanh nghiệp*: giới hạn chênh lệch được hiểu là biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất.

4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2020 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích, Quỹ phát sinh một số chi phí, trong đó tổng phí dịch vụ quản lý quỹ, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa không quá 2% NAV/năm:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý được tính bằng 0,5% một năm giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ, tại ngày gần nhất trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán và các loại phí phát sinh khác.

- Phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm trên NAV, không có thuế giá trị gia tăng. Tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng.

- Phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm trên NAV, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng.

Theo công văn số 02/CV-QLD-QLTS ngày 05/01/2021 và công văn số 977/BIDV.HTH-DVCK ngày 18/5/2021, từ ngày 06 tháng 1 năm 2021 đến khi Quỹ đạt NAV tối thiểu 30 tỷ đồng hoặc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tùy thời điểm nào đến trước, không áp dụng mức giá tối thiểu trong biểu phí dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát.

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị Quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% một năm trên NAV, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng.

Theo công văn số 02/CV-QLD-QLTS ngày 05/01/2021 và công văn số 977/BIDV.HTH-DVCK ngày 18/5/2021, từ ngày 06 tháng 1 năm 2021 đến khi Quỹ đạt NAV tối thiểu 30 tỷ đồng hoặc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tùy thời điểm nào đến trước, không áp dụng mức giá tối thiểu trong biểu phí dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát.

Tổng phí dịch vụ lưu ký, dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng lưu ký giám sát tối đa không quá 0,15% giá trị tài sản lưu ký một năm.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là các loại phí phải trả cho đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 11.000.000 VND một tháng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí quản lý thường niên phải trả cho UBCKNN

Phí quản lý thường niên bằng 50% mức thu quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 272/2016/TT-BTC.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Trái tức nhận được	161.040.449	1.517.497.785
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.960.051	4.102.011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.989.768	109.364.111
Lãi chứng chỉ tiền gửi	376.592.880	1.262.905.751
Cộng	559.583.148	2.893.869.658

6. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư trong năm 2021 VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.000.000.000	997.500.000	2.500.000
Trái phiếu niêm yết	1.401.200.274	1.406.542.997	- 5.342.723
Chứng chỉ tiền gửi	9.273.931.659	9.199.999.565	73.932.094
Cộng	11.675.131.933	11.604.042.562	71.089.371

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. CHÊNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

					Thay đổi chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	
Trái phiếu niêm yết (MSR11801)	-	-	-	7.217.260	(7.217.260)
Trái phiếu niêm yết (VHM11801)	-	-	-	5.247.918	(5.247.918)
Trái phiếu niêm yết (KBC121020)	1.069.602.550	1.066.625.006	(2.977.544)	-	(2.977.544)
Trái phiếu chưa niêm yết (PSIL2021002)	400.000.000	400.000.000	-	-	-
Cộng	1.469.602.550	1.466.625.006	(2.977.544)	12.465.178	(15.442.722)

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí môi giới giao dịch mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	-	10.525.702
Chi phí môi giới giao dịch bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	5.484.207	15.575.331
Chi phí lưu ký xử lý hồ sơ mua, bán chứng khoán	-	8.915.732
Cộng	5.484.207	35.016.765

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phí quản lý quỹ mở	39.653.457	242.304.401
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	4.783.233	89.467.852
Phí dịch vụ giám sát	1.744.751	45.893.472
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	2.617.127	97.073.539
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	132.000.000	133.100.000
Chi phí kiểm toán	40.000.000	33.000.000
Chi phí hoạt động khác	140.214.111	155.799.872
Trong đó:		
- Phí ngân hàng	2.114.111	5.760.146
- Phí quản lý thường niên của UBCKNN	5.000.000	6.739.726
- Chi phí cung cấp danh sách	1.100.000	-
- Chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	132.000.000	143.300.000
	361.012.679	796.639.136

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	149.944.523	254.430.242
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND (*)	1.006.193.117	1.800.000.000
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, trong đó:		
- Tiền gửi của nhà đầu tư từ đại lý phân phối	-	3.000.000
Cộng	1.156.137.640	2.057.430.242

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, có kỳ hạn 32 ngày, lãi suất 3%/năm.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
2	Trái phiếu niêm yết	1.069.602.550	1.066.625.006	(2.977.544)	-	1.066.625.006
3	Trái phiếu chưa niêm yết	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
	Tổng cộng	3.069.602.550	3.066.625.006	(2.977.544)	-	3.066.625.006

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
2	Trái phiếu niêm yết	1.406.542.997	1.419.008.175	12.465.178	-	1.419.008.175
3	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	9.199.999.565	9.199.999.565	-	-	9.199.999.565
	Tổng cộng	10.606.542.562	10.619.007.740	-	-	10.619.007.740

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

(*) Các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể như sau:

<u>31 tháng 12 năm 2021</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>31 tháng 12 năm 2020</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	600.000.000	12 tháng	8,20%	Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	399.999.929	24 tháng	8,00%
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	800.000.000	18 tháng	8,00%	Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	1.999.999.644	24 tháng	8,00%
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	200.000.000	12 tháng	8,20%	Chứng chỉ tiền gửi Home Credit Việt Nam	2.000.000.000	24 tháng	7,80%
				Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	400.000.000	6 tháng	8,90%
				Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	2.000.000.000	18 tháng	8,90%
				Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	399.999.999	18 tháng	9,50%
				Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	1.999.999.993	18 tháng	9,50%
Tổng cộng	1.600.000.000			Tổng cộng	9.199.999.565		

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự thu lãi trái phiếu	15.148.739	42.027.399
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.325.970	2.367.123
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	65.079.452	94.283.833
Phải thu khác	1.000	1.000
	81.555.161	138.679.355

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí kiểm toán	20.000.000	16.500.000
Phải trả phí quản lý thường niên UBCKNN	5.000.000	-
	25.000.000	16.500.000

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí quản lý	1.820.160	5.370.894
Phải trả phí lưu ký	5.963.016	1.179.783
Phải trả phí giám sát	2.141.470	396.719
Phải trả phí quản trị	3.212.207	595.080
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	24.136.853	18.542.476

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMT Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2021
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	25.628.421,52	818.045,41	26.446.466,93
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	256.284.215.200	8.180.454.100	264.464.669.300
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	21.491.452.436	1.618.564.210	23.110.016.646
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	277.775.667.636	9.799.018.310	287.574.685.946
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	10.838,58		10.873,84
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	24.547.276,38	1.549.988,20	26.097.265
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	245.472.763.800	15.499.882.000	260.972.645.800
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	39.960.308.058	3.129.341.118	43.089.649.176
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (9) = (7) + (8)	VND	285.433.071.858	18.629.223.118	304.062.294.976
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.627,89		11.651,12
Số lượng Chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	1.081.145,14	(731.942,79)	349.202,35
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)	VND	(7.657.404.222)	(8.830.204.808)	(16.487.609.030)
Lợi nhuận chưa phân phối (13)	VND	20.434.194.775	248.732.911	20.682.927.686
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	12.776.790.553	(8.581.471.897)	4.195.318.656
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	11.817,83		12.014,00

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2019	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2020
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	24.425.226,03	1.203.195,49	25.628.421,52
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	244.252.260.300	12.031.954.900	256.284.215.200
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	19.258.105.334	2.233.347.102	21.491.452.436
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	263.510.365.634	14.265.302.002	277.775.667.636
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	10.788,45		10.838,58
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	15.960.372,40	8.586.903,98	24.547.276,38
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	159.603.724.000	85.869.039.800	245.472.763.800
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	19.927.921.522	20.032.386.536	39.960.308.058
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (9) = (7) + (8)	VND	179.531.645.522	105.901.426.336	285.433.071.858
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.248,59		11.627,89
Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	8.464.853,63	(7.383.708,49)	1.081.145,14
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)	VND	83.978.720.112	(91.636.124.334)	(7.657.404.222)
Lợi nhuận chưa phân phối (13)	VND	18.480.382.640	1.953.812.135	20.434.194.775
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	102.459.102.752	(89.682.312.199)	12.776.790.553
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	12.104,06		11.817,83

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	20.685.905.230	20.421.729.597
Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.977.544)	12.465.178
Tổng cộng	20.682.927.686	20.434.194.775

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ

Năm 2021					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31/12/2020	12.776.790.553	1.081.145,14	11.817,83	-
2	05/01/2021	12.773.338.158	1.081.145,14	11.814,63	(3,20)
3	12/01/2021	12.498.156.995	1.056.346,63	11.831,49	16,86
4	19/01/2021	12.507.317.941	1.056.346,63	11.840,16	8,67
5	26/01/2021	13.189.782.142	1.112.599,13	11.854,92	14,76
6	31/01/2021	12.595.160.281	1.061.997,01	11.859,88	4,96
7	02/02/2021	12.597.124.072	1.061.997,01	11.861,73	1,85
8	09/02/2021	12.067.877.311	1.017.336,01	11.862,23	0,50
9	16/02/2021	12.077.138.394	1.017.336,01	11.871,33	9,10
10	23/02/2021	12.226.037.103	1.028.594,23	11.886,16	14,83
11	28/02/2021	12.568.992.132	1.056.626,70	11.895,39	9,23
12	02/03/2021	12.572.138.399	1.056.626,70	11.898,37	2,98
13	09/03/2021	12.650.239.122	1.062.061,56	11.911,02	12,65
14	16/03/2021	12.784.103.579	1.073.040,32	11.913,90	2,88
15	23/03/2021	12.916.360.750	1.083.128,82	11.925,04	11,14
16	30/03/2021	13.105.685.070	1.097.613,10	11.940,16	15,12
17	31/03/2021	13.076.446.762	1.096.030,35	11.930,73	(9,43)
18	06/04/2021	13.098.816.614	1.096.030,35	11.951,14	20,41
19	13/04/2021	13.101.023.414	1.095.377,41	11.960,28	9,14
20	20/04/2021	13.153.803.565	1.098.837,83	11.970,65	10,37
21	27/04/2021	13.161.072.421	1.098.837,83	11.977,26	6,61
22	30/04/2021	13.296.112.612	1.109.313,37	11.985,89	8,63
23	04/05/2021	13.292.239.273	1.109.313,37	11.982,40	(3,49)
24	11/05/2021	13.242.632.091	1.103.633,37	11.999,12	16,72
25	18/05/2021	13.310.409.186	1.109.173,48	12.000,29	1,17
26	25/05/2021	13.479.006.360	1.116.243,62	12.075,32	75,03
27	31/05/2021	3.278.625.547	273.624,21	11.982,22	(93,10)
28	01/06/2021	3.286.997.324	273.624,21	12.012,81	30,59
29	08/06/2021	3.453.537.197	287.613,63	12.007,55	(5,26)
30	15/06/2021	3.719.467.442	308.383,62	12.061,17	53,62
31	22/06/2021	3.802.270.476	317.670,08	11.969,24	(91,93)
32	29/06/2021	3.837.624.424	319.074,01	12.027,38	58,14
33	30/06/2021	4.044.497.392	336.290,81	12.026,78	(0,60)
34	06/07/2021	4.042.413.231	336.290,81	12.020,58	(6,20)
35	13/07/2021	4.174.727.394	347.641,27	12.008,72	(11,86)
36	20/07/2021	4.203.984.225	349.040,82	12.044,39	35,67

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
37	27/07/2021	4.060.171.932	337.217,22	12.040,22	(4,17)
38	31/07/2021	4.001.184.868	332.407,22	12.036,99	(3,23)
39	03/08/2021	4.000.256.141	332.407,22	12.034,20	(2,79)
40	10/08/2021	4.049.876.338	336.753,24	12.026,24	(7,96)
41	17/08/2021	4.142.310.062	344.461,90	12.025,45	(0,79)
42	24/08/2021	4.252.494.289	353.837,64	12.018,20	(7,25)
43	31/08/2021	4.257.839.440	354.638,07	12.006,15	(12,05)
44	07/09/2021	4.305.812.404	358.496,43	12.010,75	4,60
45	14/09/2021	4.310.211.092	358.496,43	12.023,02	12,27
46	21/09/2021	4.290.363.237	356.986,95	12.018,26	(4,76)
47	28/09/2021	4.262.631.801	354.870,95	12.011,78	(6,48)
48	30/09/2021	4.233.277.377	352.486,95	12.009,74	(2,04)
49	05/10/2021	4.234.383.716	352.486,95	12.012,88	3,14
50	12/10/2021	4.201.496.061	349.908,95	12.007,39	(5,49)
51	19/10/2021	4.236.365.697	353.032,48	11.999,93	(7,46)
52	26/10/2021	10.343.074.070	861.983,72	11.999,15	(0,78)
53	31/10/2021	10.287.008.946	857.258,43	11.999,89	0,74
54	02/11/2021	10.263.434.418	857.258,43	11.972,39	(27,50)
55	09/11/2021	4.325.894.815	361.771,53	11.957,53	(14,86)
56	16/11/2021	4.285.100.688	358.389,02	11.956,56	(0,97)
57	23/11/2021	4.281.010.511	358.075,82	11.955,59	(0,97)
58	30/11/2021	4.316.280.760	361.595,77	11.936,75	(18,84)
59	07/12/2021	4.254.437.320	355.522,77	11.966,70	29,95
60	14/12/2021	4.224.467.650	353.032,77	11.966,21	(0,49)
61	21/12/2021	4.245.708.085	354.822,35	11.965,72	(0,49)
62	28/12/2021	4.196.918.977	351.838,35	11.928,54	(37,18)
63	30/12/2021	4.165.475.346	349.202,35	11.928,54	0,00
64	31/12/2021	4.195.318.656	349.202,35	12.014,00	85,46

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 7.940.386.776

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 85,46
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) (91,93)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 12.075,32
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 11.814,63

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2020					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31/12/2019	102.459.102.752	8.464.853,63	12.104,06	-
2	07/01/2020	102.610.379.444	8.464.853,63	12.121,93	17,87
3	14/01/2020	92.459.536.628	7.625.507,39	12.125,03	3,10
4	21/01/2020	81.481.725.325	6.719.234,84	12.126,64	1,61
5	28/01/2020	81.883.472.273	6.730.036,46	12.166,87	40,23
6	31/01/2020	81.906.396.035	6.730.036,46	12.170,28	3,41
7	04/02/2020	81.968.604.553	6.730.036,46	12.179,52	9,24
8	11/02/2020	81.781.557.526	6.703.409,87	12.199,99	20,47
9	18/02/2020	81.205.633.252	6.648.572,50	12.214,00	14,01
10	25/02/2020	80.490.095.373	6.585.012,41	12.223,23	9,23
11	29/02/2020	78.069.158.525	6.380.366,29	12.235,84	12,61
12	03/03/2020	78.109.860.603	6.380.366,29	12.242,22	6,38
13	10/03/2020	76.035.936.213	6.201.694,10	12.260,51	18,29
14	17/03/2020	74.778.211.928	6.088.632,66	12.281,61	21,10
15	24/03/2020	73.502.941.567	5.986.419,06	12.278,28	(3,33)
16	31/03/2020	73.670.631.129	5.990.249,47	12.298,42	20,14
17	07/04/2020	72.993.153.440	5.922.057,90	12.325,64	27,22
18	14/04/2020	64.156.356.924	5.194.637,18	12.350,50	24,86
19	21/04/2020	59.013.155.626	4.773.085,47	12.363,73	13,23
20	28/04/2020	59.194.476.141	4.776.239,16	12.393,53	29,80
21	30/04/2020	57.488.812.310	4.650.218,87	12.362,60	(30,93)
22	05/05/2020	57.634.979.545	4.650.218,87	12.394,04	31,44
23	12/05/2020	57.807.390.972	4.650.218,87	12.431,11	37,07
24	19/05/2020	53.712.441.049	4.316.159,17	12.444,50	13,39
25	26/05/2020	45.031.109.998	3.614.855,29	12.457,24	12,74
26	31/05/2020	33.269.549.643	2.670.223,65	12.459,46	2,22
27	02/06/2020	33.291.496.672	2.670.223,65	12.467,68	8,22
28	09/06/2020	17.766.324.459	1.429.671,96	12.426,85	(40,83)
29	16/06/2020	7.529.483.803	608.317,28	12.377,56	(49,29)
30	23/06/2020	6.696.850.249	540.702,78	12.385,46	7,90
31	30/06/2020	5.565.136.382	448.964,09	12.395,50	10,04
32	07/07/2020	3.584.888.069	289.558,53	12.380,53	(14,97)
33	14/07/2020	3.497.349.343	283.190,53	12.349,81	(30,72)
34	21/07/2020	3.383.557.613	275.178,54	12.295,86	(53,95)
35	28/07/2020	3.513.211.632	285.591,60	12.301,52	5,66
36	31/07/2020	2.523.767.405	206.602,47	12.215,57	(85,95)
37	04/08/2020	2.524.523.749	206.602,47	12.219,23	3,66
38	11/08/2020	2.472.584.471	202.844,98	12.189,53	(29,70)
39	18/08/2020	2.500.631.837	205.664,53	12.158,79	(30,74)
40	25/08/2020	2.122.029.990	175.719,61	12.076,23	(82,56)
41	31/08/2020	2.119.739.829	176.594,09	12.003,46	(72,77)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Năm 2020**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
42	01/09/2020	2.121.448.714	176.594,09	12.013,14	9,68
43	08/09/2020	2.115.035.983	176.594,09	11.976,82	(36,32)
44	15/09/2020	2.145.383.113	179.305,85	11.964,94	(11,88)
45	22/09/2020	2.265.901.600	189.675,12	11.946,22	(18,72)
46	29/09/2020	2.287.250.037	191.105,64	11.968,51	22,29
47	30/09/2020	2.332.606.415	195.738,35	11.916,96	(51,55)
48	06/10/2020	2.337.542.462	195.738,35	11.942,18	25,22
49	13/10/2020	2.363.828.136	197.889,92	11.945,17	2,99
50	20/10/2020	2.285.978.991	191.723,74	11.923,30	(21,87)
51	27/10/2020	2.245.215.900	190.054,91	11.813,51	(109,79)
52	31/10/2020	2.279.113.273	193.115,79	11.801,80	(11,71)
53	03/11/2020	2.279.452.375	193.115,79	11.803,55	1,75
54	10/11/2020	2.074.300.922	175.844,01	11.796,26	(7,29)
55	17/11/2020	1.901.842.300	161.748,29	11.758,04	(38,22)
56	24/11/2020	11.997.488.550	1.019.971,88	11.762,57	4,53
57	30/11/2020	12.063.537.398	1.025.367,18	11.765,09	2,52
58	01/12/2020	12.081.010.399	1.025.367,18	11.782,13	17,04
59	08/12/2020	12.200.532.367	1.035.113,50	11.786,66	4,53
60	15/12/2020	12.349.051.944	1.047.321,01	11.791,09	4,43
61	22/12/2020	12.562.307.142	1.064.484,86	11.801,30	10,21
62	29/12/2020	12.749.100.769	1.079.336,84	11.811,98	10,68
63	31/12/2020	12.776.790.553	1.081.145,14	11.817,83	5,85

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 32.405.836.466

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 40,23
- Mức thấp nhất trong năm (VND) (109,79)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 12.467,68
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 11.758,04

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 349.202,35 Chứng chỉ quỹ.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch phát sinh trong năm 2021 như sau:

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	39.653.457
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Lãi tiền gửi ngân hàng Phí giám sát Phí lưu ký Phí dịch vụ quản trị Quỹ	21.949.819 1.744.751 4.783.233 2.617.127
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	132.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Số cuối năm VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	5.370.894	39.653.457	(43.204.191)	1.820.160
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ Phí lưu ký phải trả Phí giám sát phải trả Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	254.430.242 3.000.000 1.179.783 396.719 595.080	35.511.470.833 9.799.226.955 4.783.233 1.744.751 2.617.127	(35.615.956.552) (9.802.226.955) - - -	149.944.523 - 5.963.016 2.141.470 3.212.207
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	132.000.000	(132.000.000)	-

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ trong năm 2021, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư, Quỹ quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 1.066.625.003 đồng Việt Nam. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 106.662.500 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 106.662.500 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ đều được Chính phủ bảo lãnh hoặc là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	59.862.298	-	-	-	59.862.298
Chi phí phải trả	-	25.000.000	-	-	-	25.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	24.136.853	-	-	-	24.136.853
	-	108.999.151	-	-	-	108.999.151
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	284.308	-	-	-	284.308
Chi phí phải trả	-	16.500.000	-	-	-	16.500.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	3.000.000	-	-	-	3.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	18.542.476	-	-	-	18.542.476
	-	38.326.784	-	-	-	38.326.784

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,50%	0,75%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,08%	0,42%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,75%	0,82%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,50%	0,10%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,75%	0,48%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 365 x 100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	4,58%	2,57%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%) = (Tổng giá trị mua vào trong năm + Tổng giá trị bán ra trong năm) x 365 x 100%/2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	87,90%	250,20%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	10.811.451.400	84.648.536.300
	Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	1.081.145,14	8.464.853,63
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm		
	Số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	818.045	1.203.195
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	8.180.454.100	12.031.954.900
	Số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	1.549.988,20	8.586.903,98
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	15.499.882.000	85.869.039.800
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	3.492.023.500	10.811.451.400
	Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	349.202,35	1.081.145,14
4	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	0,50%	0,00%
5	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	97,68%	98,08%
6	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	-	-
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	31	24
8	Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ cuối năm	12.014,00	11.817,83

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

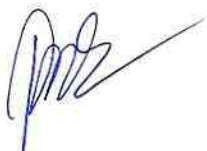
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quý.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập



Bà Hoàng Thị Phương Anh
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lan
Phó Tổng Giám đốc

